

Số: 100/BC-THDH

Diễn Hạnh, ngày 10 tháng 06 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2025

(theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều 14 của Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT,
ngày 03/6/2024)

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Trường tiểu học Diễn Hạnh

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục:

- Địa chỉ trụ sở chính: xóm 3, xã Hạnh Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

- Địa chỉ thư điện tử: thdienhanh.dc@nghean.du.vn

- Cổng thông tin điện tử:

3. Loại hình của cơ sở giáo dục:

- Công lập

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Sứ mạng:

Trường Tiểu học Diễn Hạnh tạo dựng hạnh phúc đích thực cho học sinh, góp phần đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao vì một Việt Nam giàu mạnh.

- Tầm nhìn:

Trường Tiểu học Diễn Hạnh trở thành trường có chất lượng cao; là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em mình; nơi giáo viên và học sinh được hạnh phúc, luôn năng động sáng tạo có khát vọng vươn tới thành tích cao trong sự phát triển.

- Mục tiêu:

Nâng cao chất lượng đội ngũ CB, GV, VN đáp ứng yêu cầu thực hiện Chương trình GDPT 2018.

Huy động nguồn lực để phát triển nhà trường. Hoàn thiện CSVC, thiết bị.

Nâng cao chất lượng GD toàn diện cho học sinh.

Xây dựng nhà trường uy tín về chất lượng GD, hướng đến hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước, khu vực.

Giữ vững đơn vị đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ II

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục:

- Trường tiểu học Diễn Hạnh được tách ra từ trường cấp I, II xã Diễn Hạnh năm 1993. Từ năm 1993 đến nay nhà trường đã có 32 năm hình thành và phát triển.

- Năm 2010, trường tiểu học Diễn Hạnh đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 1

- Năm 2016, trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 2798/QĐ-UBND ngày 17/06/2016 của UBND tỉnh Nghệ An.

- Năm 2022, trường đạt Chuẩn Quốc gia mức độ 2 (Kiểm tra lại lần 2) theo Quyết định số 2778/QĐ-UBND ngày 14/09/2022 của UBND tỉnh Nghệ An.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

- Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Xuân

- Chức vụ: Hiệu trưởng

- Địa chỉ nơi làm việc: Trường tiểu học Diễn Hạnh, xóm 3, xã Hạnh Quảng, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An

- Số điện thoại: 0946 302 173

- Địa chỉ thư điện tử: Thanhxuan6474@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường:

- Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định 3142/QĐ-UBND ngày 3/10/2024 của chủ tịch UBND huyện Diễn Châu

- Chủ tịch hội đồng trường được công nhận theo Quyết định 4104/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của chủ tịch UBND huyện Diễn Châu

- Danh sách thành viên hội đồng trường:

Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Hiệu trưởng, Chủ tịch HĐT

Ông Trần Trọng Ninh - Phó HT, PCT

Bà Bùi Thị Thúy - Chủ tịch CĐ, Ủy viên

Bà Phan Thị Thủy - Tổ trưởng tổ 4,5, Ủy viên

Bà Nguyễn Thị Đào - Tổ trưởng tổ 1,2,3, Ủy viên

Bà Trần Thị Hoa - Trưởng ban ĐDCMHS, Ủy viên

Ông Nguyễn Hưng - Phó chủ tịch UBND xã, Ủy viên

b) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thanh Xuân:

Quyết định số 2599/QĐ-UBND, ngày 21/9/2018 về việc bổ nhiệm CBQL trường học đối với bà Nguyễn Thị Thanh Xuân giữ chức vụ hiệu trưởng trường tiểu học Diễn Hạnh từ ngày 24/9/2018.

- Phó hiệu trưởng: Trần Trọng Ninh

Quyết định số 2394/QĐ-UBND, ngày 20/8/2024 về việc điều động, bổ nhiệm CBQL trường học đối với ông Trần Trọng Ninh giữ chức vụ phó hiệu trưởng trường tiểu học Diễn Hạnh từ ngày 26/8/2024.

c) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục

Cơ cấu tổ chức trường tiểu học Diễn Hạnh gồm: Hội đồng trường; Hiệu trưởng và phó hiệu trưởng; Hội đồng thi đua khen thưởng; Hội đồng kỉ luật; Hội đồng tư vấn; Chi bộ; Công đoàn; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; Tổ chuyên môn 1-2-3 và tổ 4-5; 24 lớp học.

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục:

- Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục;
- Quy chế dân chủ ở cơ sở của nhà trường;
- Các nghị quyết của hội đồng trường; các quy chế nội bộ khác.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo vị trí việc làm và trình độ được đào tạo

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	35		1	33	1				8	25	27	6		
I	Giáo viên	31			30	1				8	23	25	6		
	Trong đó số giáo viên chuyên biệt:														
1	Tiếng dân tộc														
2	Ngoại ngữ	3			3					1	2	2	1		
3	Tin học	1			1						1	1			
4	Âm nhạc	1			1						1	1			
5	Mỹ thuật	1			1						1		1		
6	Thể dục	1			1						1	1			
II	Cán bộ quản lý														
1	Hiệu trưởng	1		1											
2	Phó hiệu trưởng	1			1										
III	Nhân viên	2													
1	Nhân viên văn thư														
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Nhân viên y tế														
4	Nhân viên thư viện	1			1										
5	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
6	Nhân viên công nghệ thông tin														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người khuyết tật														
8	Bảo vệ	1													

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp

- Giáo viên: Loại tốt 27/33 (81.8%), loại khá: 6/33 (tỷ lệ 18.2%)
- Cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp: 2/2 đạt 100%

c. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

- Hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên: 35/35 đạt: 100%. Trong đó: BGH: 2; GV: 31

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

a) Diện tích, khối phòng, thiết bị dạy học

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	24/24	9.3 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	24	1,4
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m ²)	8211	9.3
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	5443	6.3
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	45	1,2
2	Diện tích thư viện (m ²)	45	0,05
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	475	0.5
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	45	1,3
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	54	1.5
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	54	1.5
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	45	0,05
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)		
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	45	0,05
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	5	1
1.2	Khối lớp 2	5	1
1.3	Khối lớp 3	5	1
1.4	Khối lớp 4	5	1
1.5	Khối lớp 5	4	1
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	
2.2	Khối lớp 2	0	
2.3	Khối lớp 3	0	
2.4	Khối lớp 4	0	
2.5	Khối lớp 5	0	

VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		33	0.8 học sinh/bộ		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác			Số thiết bị/lớp		
1	Ti vi		28			
2	Cát xét					
3	Đầu Video/đầu đĩa					
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể					
	Nội dung	Số lượng(m ²)				
X	Nhà bếp	0				
XI	Nhà ăn	0				
	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ		
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0				
XIII	Khu nội trú					
XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	1		2	100	0,12
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	không	Số lượng (chất lượng)
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x		Tốt
XVI	Nguồn điện lưới	x		3 pha, tốt
XII	Kết nối Internet	x		4 gói mạng, tốt
XIII	Trang website	x		Tốt
XIV	Tường rào xây	x		Tốt
XX	Khu xử lý rác	x		Tốt
XXI	Camera giám sát	x		Tốt

b) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA

LỚP 1				
TT	Tên sách	Tên tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 1, tập 1, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Hoàng Hoà Bình, Hoàng Thị Minh Hương, Trần Mạnh Hưởng, Nguyễn Thị Ly Kha, Đặng Kim Nga, Lê Hữu Tĩnh.	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

2	Toán 1 tập 1, tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 1	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Lê Thị Tuyết Mai, Lục Thị Nga.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 1	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thân (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tinh.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Âm nhạc 1	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai, Đặng Khánh Nhật, Nguyễn Thị Thanh Vân.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật 1	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên), Phạm Duy Anh.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm 1	Bùi Sỹ Tụng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình (Chủ biên), Vũ Thị lan Anh, Lê Thị Luận, Trần Thị Thu.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất 1	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), Lê Anh Thor (Chủ biên), Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu, Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 1	Nguyễn Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa, Nguyễn Hoàng Thiên Ý.	Ielarn Smart-Start	Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

LỚP 2

TT	Tên sách	Tên tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 2, tập 1, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên)	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
2	Toán 2 tập 1, tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh, Hoàng Quế Hương.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Hoàng Anh, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Lê Thị Tuyết Mai.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 2	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thảo (Chủ biên), Đào Thị Hồng, Phương Hà Lan, Hoàng Quý Tĩnh, Phạm Việt Quỳnh.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Âm nhạc 2	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên, kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình - Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Phương Mai - Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật - Trần Thị Kim Thăng - Nguyễn Thị Thanh Vân	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật 2	Đoàn Thị Mỹ Hương, Đinh Gia Lê (đồng Tổng Chủ biên), Trần Thị Biền (Chủ biên) Phạm Duy Anh - Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang - Bùi Quang Tuấn	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm 2	Lưu Thu Thủy - Bùi Sỹ Tụng (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh - Nguyễn Thanh Bình (đồng Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh - Nguyễn Thị Thanh Bình - Bùi Thị Hương Liên, Lê Thị Luận - Trần Thị Tố Oanh - Trần Thị Thu	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất 2	Nguyễn Duy Quyết - Hồ Đắc Sơn (đồng Tổng Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên) Nguyễn Thị Hà - Đỗ Mạnh Hưng - Vũ Văn Thịnh - Vũ Thị Hồng Thu	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 2 (i-Learn Smart Start)	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên), Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thương Hoài Dương	SMASTT	Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

LỚP 3

TT	Tên sách	Tên tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 3, tập 1, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Đỗ Mạnh Hà, Trần Mạnh Hường, Lê Thị Kim Nga, Đỗ Hữu Tĩnh	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh

2	Toán 3 tập 1, tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh, Hoàng Quế Hương.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 3	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Nguyễn Thị Việt Hà.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Tự nhiên và Xã hội 3	Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thán (Chủ biên), Phan Thanh Hà, Đào Thị Hồng, Nguyễn Thị Hồng Liên, Nguyễn Thị Thanh Thủy.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Âm nhạc 3	Hoàng Long, Đỗ Thị Minh Chính (đồng Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình(chủ biên) , Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Đặng Khánh Nhật	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Mĩ thuật 3	Nguyễn Xuân Nghị (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biển, Đoàn Thị Mỹ Hương(đồng chủ biên), Phạm Duy Anh - Bạch Ngọc Diệp, Trần Thị Thu Trang	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Hoạt động trải nghiệm 3	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Vũ Thị Lan Anh - Nguyễn Thị Thanh Bình - Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục Thể chất 3	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), – Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên) Vũ Thị thư, Phạm Mai Vương, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Tiếng Anh 3 (i-Learn Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Huỳnh Tuyết Mai, Nguyễn Thụy Uyên Sa.	SMASTT	Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh
10	Tin học 3	Nguyễn Chi Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng, Đặng Bích Việt	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

11	Công nghệ 3	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Lê Xuân Quang, Nguyễn Bích Thảo, Vũ Thị Ngọc Thúy, Nguyễn Thanh Trinh.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
----	-------------	--	----------------------------	--------------------------------

LỚP 4

TT	Tên sách	Tên tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 4, tập 1, tập 2	Nguyễn Minh Thuyết (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Chu Thị Thủy An, Phan Thị Hồ Điệp, Nguyễn Bích Hà, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Khánh Hà, Trần Bích Thủy	Cánh Diều	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
2	Toán 4 tập 1, tập 2	Hà Huy Khoái (Tổng Chủ biên), Lê Anh Vinh (Chủ biên), Nguyễn Áng, Vũ Văn Dương, Nguyễn Minh Hải, Bùi Bá Mạnh, Hoàng Quế Hương.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Đạo đức 4	Nguyễn Thị Toan (Tổng Chủ biên), Trần Thành Nam (Chủ biên), Nguyễn Thị Hoàng Anh, Nguyễn Ngọc Dung	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4	Âm nhạc 4	Đỗ Thị Minh Chính (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình (chủ biên), Mai Linh Chi, Nguyễn Thị Nga, Nguyễn Thị Phương Mai	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Mĩ thuật 4	Đinh Gia Lê (Tổng Chủ biên), Trần Thị Biễn, Đoàn Thị Mỹ Hương (đồng Chủ biên), Phạm Duy Anh, Trần Thị Thu Trang.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Hoạt động trải nghiệm 4	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thụy Anh (Chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Bình - Bùi Thị Hương Liên, Trần Thị Tố Oanh	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Giáo dục Thể chất 4	Nguyễn Duy Quyết (Tổng Chủ biên), – Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên), Lê Anh Thơ (Chủ biên) Vũ Thị Thư, Phạm Mai Vương, Đỗ Mạnh Hưng, Vũ Văn Thịnh, Vũ Thị Hồng Thu	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Tiếng Anh 4 (i-Learn Smart Start)	Võ Đại Phúc (Tổng Chủ biên), Huỳnh Tuyết Mai (chủ biên), Nguyễn Thị Ngọc Quyên, Đặng Đỗ Thiên Thanh, Lê Thị Tuyết Minh, Nguyễn Dương Hoài Thương.	i-Learn Smart Start	Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

9	Tin học 4	Nguyễn Chi Công (Tổng Chủ biên), Hoàng Thị Mai (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Thu Hiền, Nguyễn Bá Tuấn, Hà Đặng Cao Tùng	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
10	Công nghệ 4	Lê Huy Hoàng (Tổng Chủ biên), Đặng Văn Nghĩa (Chủ biên), Dương Giáng Thiên Hương, Đồng Huy Giới, Bùi Thị Thu Hương, Nguyễn Bích Thảo	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
11	Khoa học 4	Vũ Văn Hùng (Tổng chủ biên kiêm chủ biên), Phan Thanh Hà (đồng chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Chi, Ngô Diệu Nga, Đào Thị Sen, triệu Anh Trung.	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Lịch sử và Địa lý 4	Vũ Minh Giang (Tổng chủ biên phần Lịch sử), Nghiêm Đình Vỹ (Tổng chủ biên cấp Tiểu học phần Lịch sử), Nguyễn Thị Thu Thủy (Chủ biên phần Lịch sử), Đào Thị Hồng, Lê Thị Thu Hương, Đào Ngọc Hùng (Tổng chủ biên phần Địa lý), Trần Thị Hà Giang (Chủ biên phần Địa lý), Đặng Tiến Dung, Đoàn Thị Thanh Phương	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

LỚP 5

TT	Tên sách	Tên tác giả	Nhà xuất bản
1	Tiếng Việt 5/1	Lê Anh Vinh	Giáo dục Việt Nam
2	Tiếng Việt 5/2	Lê Anh Vinh	Giáo dục Việt Nam
3	Toán 5	Đỗ Đình Hoan	Giáo dục Việt Nam
4	Khoa học 5	Bùi Phương Nga	Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lý	Nguyễn Anh Dũng	Giáo dục Việt Nam
6	Âm nhạc	Lê Đức Sang	Giáo dục Việt Nam
7	Học Mĩ thuật theo định hướng phát triển năng lực 5	Nguyễn Thị Nhung	Giáo dục Việt Nam
8	Đạo đức 5	Lưu Thu Thủy	Giáo dục Việt Nam
9	Kĩ thuật 5	Đoàn Chi	Giáo dục Việt Nam

10	Hướng dẫn học Tin học lớp 5		Giáo dục Việt Nam
11	Tiếng Anh lớp 5/1	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam
12	Tiếng Anh lớp 5/2	Hoàng Văn Vân	Giáo dục Việt Nam

DANH MỤC XUẤT BẢN PHẨM THAM KHẢO

LỚP 1				
TT	Tên SGK	Tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Vở bài tập toán 1/1	Lê Anh Vinh	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP Hồ Chí Minh
2	Vở bài tập toán 1/2	Lê Anh Vinh	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Thực hành và phát triển năng lực tiếng việt 1/1	Lê Thị Kim Oanh Nguyễn Thúy Vân	Sách liên kết	ĐHQGHN
4	Thực hành và phát triển năng lực tiếng việt 1/2	Lê Thị Kim Oanh Nguyễn Thúy Vân	Sách liên kết	ĐHQGHN
5	Vở luyện viết 1/1	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Vở luyện viết 1/2	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Thực hành mỹ thuật lớp 1/1	Nguyễn Minh Đức	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Thực hành mỹ thuật lớp 1/1	Nguyễn Minh Đức	Kết nối tri thức cuộc sống	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Learn Smart Start 1(Workook)	Nguyễn Thị Ngọc Quyên (Chủ biên)	i-Learn Smart Start	Nhà xuất bản Đại học sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

LỚP 2				
TT	Tên SGK	Tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Vở bài tập toán 2/1	Lê Anh Vinh	Kết nối trí thức	GDVN

2	Vở bài tập toán 2/2	Lê Anh Vinh	Kết nối trí thức	GDVN
3	Vở bài tập tiếng việt 2/1	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	ĐHSPTPHCM
4	Vở bài tập tiếng việt 2/2	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	ĐHSPTPHCM
5	Vở luyện viết 2/1	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	ĐHSPTPHCM
6	Vở luyện viết 2/2	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	ĐHSPTPHCM
7	Thực hành mỹ thuật lớp 2/1	Nguyễn Minh Đức	Kết nối trí thức	ĐHQGHN
8	Thực hành mỹ thuật lớp 2/2	Nguyễn Minh Đức	Kết nối trí thức	ĐHQGHN
9	Learn Smart Start 2(Workook)	Võ Đại Phúc (Tổng chủ biên)	ĐHTPHCM	ĐHSPTPHCM

LỚP 3				
TT	Tên SGK	Tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Vở bài tập toán 3/1	Lê Anh Vinh	Kết nối trí thức	GDVN
2	Vở bài tập toán 3/2	Lê Anh Vinh	Kết nối trí thức	GDVN
3	Vở bài tập tiếng việt 3/1	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	ĐHSPTPHCM
4	Vở bài tập tiếng việt 3/2	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	ĐHSPTPHCM
5	Vở luyện viết 3/1	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	ĐHSPTPHCM
6	Vở luyện viết 3/2	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	ĐHSPTPHCM
7	Thực hành mỹ thuật lớp 3/1	Nguyễn Minh Đức	Kết nối trí thức	ĐHQGHN
8	Thực hành mỹ thuật lớp 3/2	Nguyễn Minh Đức	Kết nối trí thức	ĐHQGHN
9	Learn Smart Start 3 (Workook)	Võ Đại Phúc	ĐHTPHCM	ĐHSPTPHCM

LỚP 4

TT	Tên SGK	Tác giả	Thuộc bộ sách	Nhà xuất bản
1	Vở bài tập toán 4/1	Lê Anh Vinh	Kết nối trí thức	GDVN
2	Vở bài tập toán 4/2	Lê Anh Vinh	Kết nối trí thức	GDVN
3	Vở bài tập tiếng việt 4/1	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	ĐHSPTPHCM
4	Vở bài tập tiếng việt 4/2	Nguyễn Minh Thuyết	Cánh diều	ĐHSPTPHCM
5	Vở bài tập khoa học 4	Vũ Văn Hùng (chủ biên)	Kết nối trí thức	GDVN
6	Vở bài tập lịch sử và địa lý 4	Nguyễn Thị Thu Thủy Trần Thị Hà Giang (chủ biên)	Kết nối trí thức	GDVN
7	Vở khoa học 4	Vũ Văn Hùng (chủ biên)	Kết nối trí thức	GDVN
8	Thực hành mỹ thuật lớp 4/1	Nguyễn Minh Đức	Kết nối trí thức	ĐHQGHN
9	Thực hành mỹ thuật lớp 4/2	Nguyễn Minh Đức	Kết nối trí thức	ĐHQGHN
10	Learn Smart Start 3 (Workook)	Võ Đại phúc (Tổng chủ biên)	ĐHTPHCM	ĐHSPTPHCM

LỚP 5				
TT	Tên SGK	Tác giả	Nhà xuất bản	
1	Vở bài tập Toán 5/tập 1	Đỗ Đình Hoan	GDVN	
2	Vở bài tập Toán 5/tập 2	Đỗ Đình Hoan	GDVN	
3	Vở bài tập Tiếng Việt 5/tập 1	Nguyễn Thuyết	GDVN	
4	Vở bài tập Tiếng Việt 5/tập 2	Nguyễn Thuyết	GDVN	
5	Vở bài tập Khoa học 5	Bùi Phương Nga	GDVN	
6	Vở bài tập Đạo đức 5	Lưu Thu Thủy	GDVN	
7	Vở bài tập Địa lý 5	Nguyễn Anh Dũng	GDVN	
8	Vở bài tập Lịch sử 5	Nguyễn Anh Dũng	GDVN	
9	Vở bài tập Tiếng Anh 5	Hoàng Văn Vân	GDVN	
10	Thực hành mỹ thuật theo định hướng Phát triển năng lực 5/1	Trần Tùng – Lê Huy	ĐHQGHN	

11	Thực hành mỹ thuật theo định hướng Phát triển năng lực 5/2	Trần Tùng – Lê Huy	ĐHQGHN
12	Em học lập trình với Scratch 5	Đào Thái Lai	GDVN

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

1. Kết quả tự đánh giá:

Đạt kiểm định chất lượng cấp độ 3; trường chuẩn quốc gia mức độ II

2. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Các nội dung cần cải tiến Tiêu chuẩn 1 “Tổ chức và quản lý nhà trường”:

- Phát huy điểm mạnh, nhà trường tiếp tục rà soát và bổ sung vào Phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường theo từng giai đoạn để phù hợp và có tính khả thi cao. Hiệu trưởng cụ thể hóa kế hoạch chiến lược nhà trường qua kế hoạch năm học 2024-2025, lấy ý kiến rộng rãi, làm cho kế hoạch nhà trường đến được CMHS, cộng đồng để nhận được nhiều góp ý, hoàn thiện phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường hơn.

- Tiếp tục thực hiện tốt việc phân công, phân nhiệm đội ngũ nhà trường để tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển công việc của mỗi cá nhân trong nhà trường.

- Giao trách nhiệm cho đồng chí Phó hiệu trưởng sắp xếp thời khóa biểu, bố trí thời gian hợp lý, tạo điều kiện để các tổ trưởng chuyên môn có nhiều thời gian tham gia quản lý, chỉ đạo các hoạt động của tổ đạt hiệu quả cao. Nâng cao hơn nữa chất lượng sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, tập trung vào đổi mới phương pháp giảng dạy, đổi mới kiểm tra đánh giá, ứng dụng CNTT, sử dụng thiết bị giảng dạy...Bồi dưỡng tay nghề cho giáo viên tập sự, giáo viên cốt cán chuyên môn qua công tác hội giảng, hội thảo, viết sáng kiến kinh nghiệm, dự giờ thăm lớp.

- Tiếp tục duy trì và phát huy tốt cơ cấu tổ chức lớp học. Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kế hoạch hàng năm được phê duyệt, phân bổ hợp lý sĩ số các lớp học để đảm bảo số học sinh 35 HS/lớp theo quy định.

- Nhà trường tiếp tục duy trì và phát huy các điểm mạnh trong việc đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học. Tăng cường tuyên truyền cho học sinh, cán bộ giáo viên, nhân viên phòng tránh các hiểm họa thiên tai, các tệ nạn xã hội, phòng chống cháy nổ, phòng chống bạo lực học đường và phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là dịch bệnh. Phối hợp với trạm y tế xã để tiếp tục làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho cán bộ giáo viên, công nhân viên.

- Hiệu trưởng phối hợp với các ban ngành chức năng tạo điều kiện cho 100% cán bộ giáo viên được tham gia lớp tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ.

Các nội dung cần cải tiến Tiêu chuẩn 2 “Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và HS”:

- Giao cho đồng chí Trần Trọng Ninh - Phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch để theo dõi, bồi dưỡng GV; tạo điều kiện để GV tham gia học tập, học hỏi, dự thi GVDG giỏi đạt kết quả cao trong dạy học.

- Nhân viên nhà trường tiếp tục phát huy năng lực, sở trường, tham gia bồi dưỡng và tự bồi dưỡng để hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao. Đặc biệt là bồi dưỡng năng lực chuyên môn về lĩnh vực văn thư để thành thạo công việc hơn.
- Quan tâm đến việc duy trì và giữ vững nề nếp trong HS. Phát huy vai trò, hiệu quả của Đội TNTPHCM trong công tác tự quản và theo dõi thi đua. Đẩy mạnh công tác kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy định của học sinh. Kết hợp với CMHS trong công tác phối hợp để chăm sóc, giáo dục HS. Động viên khen thưởng kịp thời học sinh có thành tích cao trong học tập để duy trì và phát huy hơn nữa các giải cao của học sinh trong các kỳ giao lưu cấp tỉnh, cấp quốc gia.
- Làm tốt hơn công phối hợp, tạo mối quan hệ khăng khít giữa Gia đình - Nhà trường
- Xã hội để giáo dục đạo đức, nề nếp giữ vệ sinh cá nhân cho các em.

Các nội dung cần cải tiến Tiêu chuẩn 3 “Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học”:

- Năm học 2024-2025, nhà trường sẽ tích cực vận động tài trợ từ các nguồn lực xã hội, trích ngân sách chi thường xuyên của nhà trường lập kế hoạch mua bổ sung đồ chơi, thiết bị vận động trang bị ở sân tập cho HS.
- GV tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả việc khai thác, sử dụng và bảo quản đồ dùng, TBDH hiện có. Đẩy mạnh hơn nữa phong trào làm đồ dùng dạy học từ vật liệu sẵn có, ít tốn kém kinh phí trong giáo viên và học sinh. Cuối mỗi năm học nhà trường tổ chức kiểm kê thiết bị để từ đó có kế hoạch thanh lý thiết bị hư hỏng, mua mới bổ sung.
- Năm học 2024-2025 và những năm học tiếp theo, Hiệu trưởng giao cho cán bộ phụ trách thư viện lên kế hoạch mua sắm, trao đổi quyền góp ủng hộ để tăng số lượng sách cho học sinh mượn đọc. Tổ chức phong phú hoạt động thư viện bằng nhiều hình thức như: Thi đọc, kể chuyện theo sách, giới thiệu sách mới...

Các nội dung cần cải tiến Tiêu chuẩn 4 “Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và XH”:

- Năm học 2024-2025, nhà trường cùng Ban đại diện CMHS thường xuyên giữ mối liên lạc, trao đổi nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động; các thành viên Ban đại diện CMHS khắc phục khó khăn về thời gian để cùng nhà trường thực hiện tốt nhiệm vụ năm học.

Các nội dung cần cải tiến Tiêu chuẩn 5 “Hoạt động GD và kết quả GD”:

- Từ năm học 2024-2025 và những năm tiếp theo, nhà trường giao cho giáo viên chủ nhiệm lớp phối hợp với Ban đại diện cha mẹ học sinh làm tốt công tác tuyên truyền về các nội dung phát triển chương trình GD nhà trường để xây dựng được kế hoạch với nội dung đa dạng, phong phú, đáp ứng được mục tiêu của GD tiểu học trong bối cảnh hiện nay.
- Tiếp tục phát huy việc thực hiện có hiệu quả việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá học sinh theo định hướng hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất. Nâng cao hơn nữa việc dạy học phân hóa, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh còn khó khăn trong học tập.
- Giao cho đồng chí Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn và các đồng chí tổ trưởng chuyên môn tiếp tục tổ chức các chuyên đề thiết thực, dự giờ thăm lớp... Qua đó bồi dưỡng, tư vấn, giúp giáo viên tự tin trong việc tự chủ lựa chọn nội dung, phương

pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp với định hướng hình thành và phát triển năng lực, phẩm chất học sinh.

- Nhà trường tiếp tục duy trì, tổ chức tốt công tác tổ chức các hoạt động GDKNS, GDNGLL, phát triển chương trình GD để nâng cao năng lực cũng như phát triển toàn diện cho học sinh. Tạo nhiều sân chơi với nhiều nội dung và hình thức mới để lôi cuốn các em tham gia một cách tích cực, tự giác.

- Giao cho đồng chí Phó hiệu trưởng phụ trách công tác phổ cập tiếp tục kết hợp với Ban chỉ đạo phổ cập địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng dẫn cụ thể cho người dân hiểu về công tác PCGD để cùng phối hợp với nhà trường làm tốt nhiệm vụ điều tra ở các xóm.

- Ban giám hiệu giao trách nhiệm cho giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn quan tâm đến học sinh khó khăn trong học tập nhằm đạt được tỉ lệ 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học.

3. Kết quả thực hiện cải tiến chất lượng như sau:

- Năm 2023-2024:

+ Hợp đồng đủ tỷ lệ GV để dạy học 2 buổi/ngày

+ 3 GV hoàn thành khóa học Đại học

+ Về CSVC: Hoàn thành công trình vệ sinh cho HS trị giá 1,2 tỷ; mua 55 bộ bàn ghế HS; lắp 4 bảng từ 3 tấm cho lớp 2; mua 4 máy tính. Mua đủ 5 bộ SGK, đồ dùng dạy học cho thay sách lớp 4

- Năm 2024-2025:

+ Hợp đồng đủ tỷ lệ GV để dạy học 2 buổi/ngày

+ 100% GV hoàn thành tập huấn phục vụ chuyên môn

+ Về CSVC: Vận động ủng hộ 2 ti vi; Mua mới 28 bộ bàn ghế HS; lắp 6 bảng từ 3 tấm cho lớp 2. Mua đủ 4 bộ SGK, đồ dùng dạy học cho thay sách lớp 5

4. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp:

Không

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kết quả thực hiện giáo dục HS của năm học trước:

Toàn trường	Tổng số	Trong đó				
		Khối 1	Khối 2	Khối 3	Khối 4	Khối 5
Số lớp:	24	5	5	5	4	5
Số học sinh:	892	207	189	170	160	166
Trong đó: - Nữ	418	101	96	75	67	79
- Sĩ số bình quân	37	41	38	34	40	33
- HS chuyển trường	15		7	2	5	1
- HS tiếp nhận tại trường	25	3	7	6	5	4
- HS học 2 buổi/ngày	892	207	189	170	160	166
- HS được khám sức khỏe	892	207	189	170	160	166
- HS trái tuyến	15	5	3	5	0	2
- Khuyết tật	6	0	2	1	0	3
- HS thuộc hộ nghèo	11	2	2	2	0	5

- HS thuộc hộ cận nghèo	17	2	8	1	5	1
- HS công giáo	355	75	87	63	66	64
- Lưu ban	5	5	0	0	0	0

2. Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp

Đánh giá Kết quả cuối năm	Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tổng số HS	208		185		171		160		166	
Hoàn thành xuất sắc	97	46.6	69	37	71	41.5	74	46.2		
Hoàn thành tốt	69	33.2	54	29	56	32.7	52	32.5		
Hoàn thành	39	18.8	61	33	44	25.8	34	21.3		
Chưa hoàn thành	3	1.4	1	0.5	0	0	0	0		
Khen thưởng cuối năm										
Học sinh <i>Xuất sắc</i>	99	47.6	69	36.5	71	41.3	74	46.3	72	43.1
Học sinh <i>Tiêu biểu</i> hoàn thành tốt trong học tập và rèn luyện	66	31.7	54	28.6	56	32.6	52	32.5	52	31.1
Khen thưởng đột xuất										
Đề nghị cấp trên khen thưởng	10	4.8	9	4.8	13	7.6	15	9.4	28	16.8
Gửi thư khen										
Hoàn thành chương trình lớp học										
Hoàn thành	205	98.6	188	99.5	172	100	160	100	157	100
Chưa hoàn thành	2	1	0	0	0	0	0	0	0	0

3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: Không

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. *Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:*

TT	Nội dung	Thực hiện	Ghi chú
A	Các khoản thu phân theo		
I	Nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp	5.680.029.224	
1	Năm 2024 (9-12/2024)	2.582.499.765	
2	Năm 2025 (1-5/2025)	3.097.529.459	

II	Các khoản thu khác từ người học	221.478.823	
1	Tiền trông giữ xe đạp 24-25	16.044.000	
2	Dịch vụ photo đề kiểm tra định kì	16.264.000	
3	Chăm sóc sức khỏe ban đầu	40.897.823	
4	Kinh phí tài trợ	148.273.000	
B	Các khoản chi phân theo		
1	Chi tiền lương và thu nhập lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên (01/09/2024 – 31/05/2025)	5.400.072.549	
2	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...)	226.793.350	
3	Chi khác	21.713.725	

2. Các khoản thu đối với người học

TT	Nội dung	Mức thu
I	Các khoản thu theo quy định	
1	Tiền bảo hiểm y tế học sinh.	73.710 đồng/tháng (884. 520 đồng /năm gồm 12 tháng) đối với HS lớp 2,3,4. Nếu khối 1 có thể thu 13 tháng (958. 230đ); 14 tháng (1.031.940 đ); 15 tháng (1.105.650 đ) theo tháng sinh của học sinh. Khối 5 thu 9 tháng (663. 390 đ)
2	Tiền trông giữ xe học sinh	12 000 đ/tháng
II	Các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường	
1	Chương trình GD tăng cường: Dạy Tiếng Anh tăng cường	20 000 đ/tiết (mỗi tuần học 2 tiết, mỗi tiết 35 phút.

2	Poto đề kiểm tra định kỳ	- Lớp 1,2,3: 15 000đ/năm - Lớp 4, 5: 25 000 đ/năm
III	Các khoản thu theo tự nguyện	
1	Tiền tài trợ	Theo tự nguyện của phụ huynh HS
2	Kinh phí hoạt động của ban đại diện cha mẹ học sinh	Theo tự nguyện của phụ huynh HS

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập: Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ; Nghị quyết số 75/2021/NQ-HĐND		18 150 000	
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	14	8.400.000	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	13	9.750.000	
Đối tượng được hỗ trợ học bổng và phương tiện đồ dùng dạy học: Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH		33.696.000	
Hỗ trợ học bổng			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025	2	14.976.000	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025	2	18.720.000	
Hỗ trợ phương tiện, đồ dùng học tập			
Học kỳ 1 năm học 2024-2025		0	
Học kỳ 2 năm học 2024-2025		0	

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có).

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư quỹ tiền mặt	Đồng	0	
2	Số dư tiền gửi kho	Đồng	17.827.623	

	bạc			
--	-----	--	--	--

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Danh hiệu thi đua nhà trường: Tập thể lao động tiên tiến.
2. CBGV đạt danh hiệu Lao động tiên tiến: 32/33 người
3. CSTĐCS: 13 người
4. UBND Huyện khen: 1 người
5. LĐLĐ huyện khen: 02 người

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Thị Thanh Xuân